TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/9/2022.
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Nguyễn Viết Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh N tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02/6/2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-DS, ngày 24/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thanh H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thanh H kết hôn cùng anh Nguyễn Văn T vào ngày 04/12/2019, trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh N. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị về chung sống cùng anh T ngay. Vợ chồng có thời gian ngắn chung sống hòa thuận.

Sau khi kết hôn được khoảng 10 ngày vợ chồng chuyển ra Hà Nội làm ăn kinh tế. Tháng 5/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã xảy ra việc cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân. Tháng 01/2022 chị phát hiện anh T có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính và vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nhưng sau đó chị vẫn tha thứ. Tháng 3/2022 chị lại

tiếp tục phát hiện anh có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính và vợ chồng lại tiếp tục xảy ra cãi nhau và cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung và hiện nay chị không có thai với anh T.

Về tài sản, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về án phí: Chị Vũ Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh T vẫn sinh sống làm ăn ở tại địa phương, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần anh T nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc. vì vậy, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T thông qua bố mẹ đẻ anh T. Bố mẹ anh T xác nhận sau khi nhận thay các văn bản tố tụng của Toà án bà đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án tới tận tay anh T. Do vậy, HĐXX xác định quyền và nghĩa vụ của anh T đã được bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay mặc dù chị H anh T đều vắng mặt. Xét thấy, chị H

đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa lần 2, nhưng anh T đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T theo đúng quy định của pháp luật nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thanh H kết hôn cùng anh Nguyễn Văn T vào ngày 04/11/2019. Trước khi đăng ký kết hôn đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã Q, huyện T, tỉnh N. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị H về chung sống cùng anh T ngay. Quá trình chung sống chị H cho rằng từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm và do anh T có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính nên chị H nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị. Xét thấy, quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Quá trình thu thập chứng cứ, bà Nguyễn Thị Đận là mẹ đẻ anh T đã thay mặt gia đình xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau nguyên nhân là do chị H không có khả năng sinh con và từ tháng 3/2022 đến nay vợ chồng anh T sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Bà thay mặt gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị H. Do vậy, HĐXX đã đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn vợ chồng chị H anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xác nhận chị H anh T không có con chung và hiện chị H không có thai với anh T.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù chị H anh T đều vắng mặt, nhưng các tài liệu hồ sơ vụ án đều thể hiện chị H không yêu cầu HĐXX xem xét, giải quyết tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp; anh T không có quan điểm giải quyết gì nên HĐXX không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị H là nguyên đơn trong vụ án nên chị H phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Vũ Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: AA/2021/0005566, ngày 02/6/2022. Xác nhận chị H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H anh T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bán án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- VKSND huyện Tỉnh N;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Q;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Xuân Hà